

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2018.

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ – TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Lịch;
2. Ông Nguyễn Văn Thắm.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện VKSND huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2018 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14-5-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn M, sinh năm 1967. (có mặt)

Quê quán: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Tạm trú tại: phường 12, quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1960.(có mặt)

ĐKKHKT và trú tại: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương.

*** Những người làm chứng:**

1. Chị Vũ Thị Yến, sinh năm 1990. (có mặt)

Trú tại: Xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Vũ Văn Bích, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Trú tại: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương.

3. Bà Vũ Thị Điền, sinh năm 1957. (vắng mặt)

Trú tại: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Ông Vũ Văn M và bà Hoàng Thị N tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật. Lý do ông bà không đi đăng ký kết hôn là do ông bà không hiểu biết và bận công việc. Sau khi cưới, ông M và bà N sống tại nhà riêng ở xóm Trại. Ông bà chung sống với nhau được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không hợp nhau và thường bất đồng quan điểm. Năm 2005, ông M đi vào miền Nam làm ăn, thỉnh thoảng mới về với bà N và các con. Mặc dù ông vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bà N nuôi con nhưng không còn quan tâm đến bà N. Ông bà sống ly thân nhau hơn 10 năm nay, ông xác định không còn tình cảm với bà N và không thể hàn gắn được tình cảm nên ông đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn bà N.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Vũ Thị Yến, sinh ngày 03-11-1990 và Vũ Văn Bích, sinh ngày 23-02-1993. Các con chung đều đã trưởng thành nên ông M không có yêu cầu đề nghị gì.

Về tài sản: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Ông bà không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết tại Tòa án bị đơn trình bày: Bà N và ông M có tự nguyện làm đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà không có mâu thuẫn gì lớn nhưng hơn 10 năm nay, ông M đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới gọi điện về hỏi thăm các con và gửi tiền nuôi con, không quan tâm gì đến bà. Nay ông M xin ly hôn, bà đồng ý ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà N trình bày thống nhất như ông M về con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà N không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung. Ông bà không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương: Ông M và bà N có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Theo sổ sách còn lưu giữ tại UBND xã Tiên Tiến từ năm 1989 đến nay thì không thấy thể hiện ông Vũ Văn M và bà Hoàng Thị N có đăng ký kết hôn.

Người làm chứng – anh Vũ Văn Bích và chị Vũ Thị Yến khai: Bố anh, chị là ông M và mẹ anh, chị là bà N. Ông M và bà N sống ly thân nhau hơn 10 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Ông M rất ít khi về nhà vì đi làm ăn trong thành phố Hồ Chí Minh. Anh Bích, chị Yến không biết bố mẹ anh, chị có đăng ký kết hôn hay không nay bố anh, chị nói lại anh, chị mới biết.

Bà Vũ Thị Điền là chị gái của ông M trình bày: ông M và bà N kết hôn với nhau năm 1990 có làm đám cưới theo phong tục địa phương, ông bà có đăng ký kết hôn hay không thì bà không để ý. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại xã Tiên Tiến. Hơn 10 năm nay, ông M vào miền Nam làm ăn ít khi về nhà, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Ông M và bà N có hai con chung, các con chung đã trưởng thành.

Tại phiên tòa hôm nay, ông M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà N đồng ý với yêu cầu của ông M. Ông bà đều xác định ông bà có tự do tìm hiểu và làm đám cưới chính xác vào ngày 20-3-1990 âm lịch (tức ngày 15-4-1990 dương lịch) và không có đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết, ông bà khai ông bà làm đám cưới

năm 1989 là do ông bà nhớ nhầm. Ông bà không có yêu cầu đề nghị gì về con chung và tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng tuyên xử: Không công nhận quan hệ giữa ông Vũ Văn M và bà Hoàng Thị N là vợ chồng. Ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được tranh tụng tại phiên tòa, bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về quan hệ vợ chồng:*** Ông Vũ Văn M và bà Hoàng Thị N tự do tìm hiểu và tự nguyện làm đám cưới theo phong tục địa phương vào ngày 20-3-1990 âm lịch tức ngày 15-4-1990 dương lịch nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà có mâu thuẫn nên từ năm 2005, ông M vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, hai hoặc ba năm mới về thăm bà và các con một lần. Mặc dù ông M vẫn có trách nhiệm với các con nhưng không còn quan tâm đến bà N. Ông bà sống ly thân nhau hơn 10 năm nay. Do xét thấy tình cảm không thể hàn gắn được, ông M đề nghị Tòa án cho ông bà được ly hôn và không công nhận quan hệ giữa ông M và bà N là vợ chồng. Bà N cũng đồng ý với đề nghị của ông M. Việc ông M và bà N chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M và bà N không công nhận quan hệ giữa ông M và bà N là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. ***Về con chung:*** Ông bà có hai con chung là Vũ Thị Yên, sinh ngày 03-11-1990 và Vũ Văn Bích, sinh ngày 23-02-1993. Các con chung đều đã trưởng thành. Ông M, bà N đều không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. ***Về tài sản:*** Ông M, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Ông bà không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Vũ Văn M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147; Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ giữa ông Vũ Văn M và bà Hoàng Thị N là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Vũ Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà ông M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000091 ngày 09-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Ông M đã thi hành xong tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục thi hành án huyện Thanh Hà;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thúy Hằng